

KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 48: THPT TRẦN VĂN GIÀU

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
1	823025	11A1	Đoàn Linh Anh	21	2	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
2	823030	11A1	Lê Duy Anh	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
3	823032	11A1	Lê Thị Quỳnh Anh	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	1
4	823045	11A1	Nguyễn Ngọc Vân Anh	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
5	823047	11A1	Nguyễn Nhật Anh	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	2
6	823073	11A1	Mai Thái Quốc Bảo	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
7	823077	11A1	Nguyễn Hoàng Bảo	2	5	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
8	823085	11A1	Mai Văn Bắc	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	3
9	823113	11A1	Huỳnh Thanh Duy	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	4
10	823122	11A1	Đoàn Thị Thùy Dương	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
11	823142	11A1	Phạm Duy Đạt	11	4	2002	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
12	823149	11A1	Phạm Tấn Định	13	12	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	5
13	823150	11A1	Trần Lê Thục Đoan	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
14	823163	11A1	Nguyễn Thị Minh Hà	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	6
15	823169	11A1	Trương Trường Hải	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
16	823188	11A1	Ngô Gia Hân	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
17	823201	11A1	Nguyễn Thị Thuý Hiền	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	7
18	823232	11A1	Lý Tuấn Huy	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	8
19	823246	11A1	Nguyễn Quốc Hưng	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
20	823277	11A1	Hồ Lê Đăng Khoa	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
21	823291	11A1	Trương Đức Khôi	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
22	823308	11A1	Nguyễn Kim Lâm	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	11
23	823320	11A1	Nguyễn Dương Ánh Linh	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	11
24	823372	11A1	Bùi Ngọc Mỹ	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	13
25	823378	11A1	Nguyễn Đình Nam	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
26	823384	11A1	Nguyễn Thị Tuyết Nga	29	8	2003	Sóc Trăng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
27	823387	11A1	Đỗ Nguyễn Kim Ngân	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
28	823456	11A1	Trần Nguyễn Hoàng Như	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	16
29	823469	11A1	Huỳnh Thanh Phong	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
30	823472	11A1	Đinh Tài	Phú	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
31	823475	11A1	Trần Thanh	Phú	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
32	823484	11A1	Lê Nguyễn Thiên	Phúc	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
33	823486	11A1	Nguyễn Đăng Trường	Phúc	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	17
34	823489	11A1	Trần Nguyễn Minh	Phúc	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	18
35	823506	11A1	Lưu Nguyễn Hồng	Phương	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
36	823541	11A1	Trần Lương Như	Quỳnh	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	19
37	823550	11A1	Lưu Tấn	Tài	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
38	823567	11A1	Trần Quốc	Thái	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
39	823614	11A1	Trương Thu	Thủy	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	22
40	823623	11A1	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
41	823638	11A1	Nguyễn Quỳnh	Thy	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
42	823662	11A1	Nguyễn Ngọc	Trâm	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
43	823666	11A1	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
44	823695	11A1	Lê Nguyễn Thành	Trung	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	25
45	823698	11A1	Đặng Anh	Tú	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	25
46	823731	11A1	Nguyễn Khánh Tường	Vân	9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
47	823749	11A1	Hồ Ngọc Tường	Vy	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
48	823054	11A10	Nguyễn Thụy Nhật	Anh	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
49	823059	11A10	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
50	823072	11A10	Đặng Gia	Bảo	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
51	823097	11A10	Văn Huỳnh	Chí	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	4
52	823126	11A10	Trần Lê Quý	Dương	15	12	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	5
53	823143	11A10	Trần Đình	Đạt	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	5
54	823145	11A10	Vũ Thành	Đạt	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
55	823162	11A10	Nguyễn Mai Ngọc	Hà	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	6
56	823168	11A10	Nguyễn Ngọc	Hải	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	6
57	823183	11A10	Hồ Ngọc	Hân	21	12	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
58	823235	11A10	Nguyễn Hữu Nhật	Huy	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	8
59	823255	11A10	Huỳnh Long Hoàng	Kha	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	9
60	823257	11A10	Trần Quang	Khải	13	3	2003	Bình Dương	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
61	823278	11A10	Huỳnh Giang Công	Khoa	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	10
62	823296	11A10	Đặng Tuấn	Kiệt	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
63	823304	11A10	Nguyễn Trần Ngọc	Lam	9	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	11
64	823314	11A10	Dương Tuyết	Linh	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	11

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
65	823326	11A10	Trần Hoàng Mai	Linh	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	12
66	823333	11A10	Nguyễn Hiếu	Long	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
67	823344	11A10	Nguyễn Hùng	Mạnh	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
68	823349	11A10	Huang Ngan	Minh	22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	13
69	823355	11A10	Trần Anh	Minh	11	11	2002	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
70	823362	11A10	Châu Nguyễn Ái	My	13	12	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
71	823365	11A10	Nguyễn Lê Trà	My	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
72	823376	11A10	Bùi Phương	Nam	11	9	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	13
73	823379	11A10	Nguyễn Hoàng	Nam	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	14
74	823380	11A10	Nguyễn Tiến	Nam	14	7	2003	Hưng Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	14
75	823397	11A10	Phạm Lê Thanh	Ngân	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
76	823399	11A10	Trần Hoàng Tuyết	Ngân	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	14
77	823435	11A10	Nguyễn Đỗ Phương	Nhi	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	16
78	823447	11A10	Trần Thị Cẩm	Nhung	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
79	823454	11A10	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
80	823516	11A10	Nguyễn Trương Phúc	Quang	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
81	823520	11A10	Lê Minh	Quân	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	19
82	823535	11A10	Lê Bảo	Quỳnh	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
83	823539	11A10	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
84	823544	11A10	Nguyễn Bảo Trần	Sơn	1	1	2002	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	19
85	823553	11A10	Trần Anh	Tài	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	20
86	823568	11A10	Đặng Thiên	Thanh	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	20
87	823577	11A10	Phạm Tuấn	Thành	20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	21
88	823595	11A10	Huỳnh Quang	Thiện	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
89	823611	11A10	Trần Xuân	Thùy	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	22
90	823632	11A10	Vũ Ngọc Anh	Thư	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	23
91	823676	11A10	Trần Dương Minh	Trí	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
92	823754	11A10	Ngô Tường	Vy	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	27
93	823761	11A10	Trần Phạm Yến	Vy	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
94	823765	11A10	Lê Huỳnh Phương	Yến	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	27
95	823016	11A11	Lê Ngọc Quý	An	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	1
96	823017	11A11	Lê Phước Thiên	An	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
97	823040	11A11	Nguyễn Hoàng	Anh	14	9	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	1
98	823063	11A11	Trần Thị Phương	Anh	4	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
99	823081	11A11	Trần Đình Quốc	Bảo	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	3

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
100	823093	11A11	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	3
101	823127	11A11	Trần Văn	Dương	19	5	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	5
102	823144	11A11	Trần Quốc	Đạt	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	5
103	823164	11A11	Nguyễn Thị Như	Hà	7	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
104	823184	11A11	Huỳnh Thị Thủy	Hân	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	7
105	823219	11A11	Nguyễn Trần Công	Hoàng	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	8
106	823227	11A11	Huỳnh Nhật	Huy	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	8
107	823290	11A11	Phạm Hoàng	Khôi	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
108	823312	11A11	Chung Khánh	Linh	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	11
109	823328	11A11	Trần Nhật	Linh	16	6	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
110	823340	11A11	Hồ Thị Xuân	Mai	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
111	823342	11A11	Trần Nguyễn Trúc	Mai	5	6	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	12
112	823354	11A11	Nguyễn Quang	Minh	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	13
113	823360	11A11	Vòng Hải	Minh	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	13
114	823395	11A11	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hổng	14
115	823398	11A11	Thái Ngọc Kim	Ngân	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
116	823426	11A11	Thiệu Minh	Nhân	11	4	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	15
117	823431	11A11	Lê Hồ Uyên	Nhi	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	15
118	823436	11A11	Nguyễn Lê Hoàng	Nhi	5	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
119	823452	11A11	Nguyễn Song Minh	Như	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	16
120	823458	11A11	Đặng Minh	Nhựt	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
121	823468	11A11	Cao Thanh	Phong	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	17
122	823473	11A11	Nguyễn Đức	Phú	10	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	17
123	823480	11A11	Đỗ Hoàng	Phúc	25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	17
124	823522	11A11	Trần Minh	Quân	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	19
125	823536	11A11	Lê Như	Quỳnh	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	19
126	823552	11A11	Nguyễn Trí	Tài	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
127	823557	11A11	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	20
128	823592	11A11	Trần Hoàng	Thiên	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	21
129	823594	11A11	Đỗ Ngọc	Thiện	14	7	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	21
130	823629	11A11	Trần Hoàng Anh	Thư	18	5	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
131	823649	11A11	Lê Quý	Toàn	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	23
132	823652	11A11	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	23
133	823661	11A11	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
134	823694	11A11	Huỳnh Nhật	Trung	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	25

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
135	823697	11A11	Ngô Quang	Trường	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	25
136	823707	11A11	Nguyễn Đức	Tuấn	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	25
137	823710	11A11	Trần Anh	Tuấn	20	7	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
138	823721	11A11	Đặng Đỗ Ngọc	Tỳ	15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
139	823737	11A11	Đặng Xuân	Vinh	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	26
140	823739	11A11	Đỗ Quốc	Vinh	27	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
141	823769	11A11	Trương Hồng	Yến	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	28
142	823039	11A12	Nguyễn Hà Việt	Anh	25	3	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
143	823043	11A12	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
144	823080	11A12	Phan Đỗ Ngọc	Bảo	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
145	823082	11A12	Trần Lê Anh	Bảo	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	3
146	823105	11A12	Cao Nguyễn Hạnh	Dung	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	4
147	823107	11A12	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
148	823131	11A12	Đỗ Thành	Đạt	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
149	823138	11A12	Nguyễn Phước	Đạt	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	5
150	823167	11A12	Lê Thái	Hải	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	6
151	823191	11A12	Nguyễn Lưu Gia	Hân	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	7
152	823202	11A12	Nguyễn Thu	Hiền	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
153	823226	11A12	Đoàn Đức	Huy	3	1	2003	Quảng Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	8
154	823234	11A12	Ngô Quang	Huy	19	12	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	8
155	823279	11A12	Lê Đắc Văn	Khoa	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
156	823281	11A12	Nguyễn Đức	Khoa	18	2	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
157	823330	11A12	Vũ Thị Phương	Linh	5	11	2003	Cần Thơ	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
158	823332	11A12	Lê Thành	Long	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
159	823337	11A12	Trần Tấn	Lộc	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
160	823361	11A12	Vũ Hoàng	Minh	25	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	13
161	823382	11A12	Phan Lại Hoàng	Nam	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	14
162	823391	11A12	Lâm Thị Tuyết	Ngân	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	14
163	823396	11A12	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	14
164	823416	11A12	Lê Hoàng Thảo	Nguyên	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	15
165	823422	11A12	Hùynh Võ Bảo	Nhân	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
166	823423	11A12	Lê Trung	Nhân	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
167	823462	11A12	Lý Thanh	Phát	9	5	2003	Sóc Trăng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
168	823467	11A12	Nguyễn Huỳnh	Phi	21	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17
169	823487	11A12	Nguyễn Hoàng	Phúc	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
170	823488	11A12	Nguyễn Minh Phúc		29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
171	823500	11A12	Vũ Hoàng Phước		23	11	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	18
172	823556	11A12	Nguyễn Hữu Tâm		9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	20
173	823574	11A12	Nguyễn Quốc Thành		13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
174	823583	11A12	Phạm Bùi Phương Thảo		11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
175	823605	11A12	Nguyễn Thị Ngọc Thuận		26	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	22
176	823654	11A12	Nguyễn Thị Trang		29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
177	823657	11A12	Phạm Thu Trang		31	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	24
178	823658	11A12	Trương Thị Thùy Trang		22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	24
179	823685	11A12	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	25
180	823701	11A12	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tú		16	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
181	823711	11A12	Phạm Minh Tuệ		22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	25
182	823742	11A12	Hà Võ Hoàng Vũ		30	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
183	823746	11A12	Huỳnh Thanh Vương		20	7	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	27
184	823753	11A12	Lê Ngọc Thanh Vy		4	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	27
185	823758	11A12	Nguyễn Thùy Yên Vy		16	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	27
186	823763	11A12	Trần Thị Ái Vy		19	9	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	27
187	823767	11A12	Phạm Hoàng Hải Yên		31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
188	823015	11A13	Hồ Thị Minh An		28	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	1
189	823027	11A13	Đỗ Thu Trâm Anh		21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
190	823034	11A13	Lê Tuấn Anh		22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
191	823050	11A13	Nguyễn Tấn Anh		15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
192	823062	11A13	Trần Nhật Anh		16	1	2003	Bình Dương	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	2
193	823071	11A13	Đào Huy Bách		16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	3
194	823076	11A13	Nguyễn Gia Bảo		7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
195	823092	11A13	Ngô Bảo Châu		13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	3
196	823120	11A13	Nguyễn Thị Hồng Duyên		7	8	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
197	823132	11A13	Hà Thành Đạt		9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
198	823146	11A13	Đỗ Minh Đăng		8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
199	823161	11A13	Nguyễn Lê Nhật Hà		5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	6
200	823170	11A13	Nguyễn Thị Cơ Hàn		24	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	6
201	823178	11A13	Nguyễn Đình Hào		9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	6
202	823225	11A13	Đoàn Chánh Khánh Huy		21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
203	823231	11A13	Lê Phước Huy		24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	8
204	823238	11A13	Phạm Quang Huy		12	6	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
205	823241	11A13	Trương Đan Huy	9	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
206	823258	11A13	Giang Gia Khang	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
207	823271	11A13	Vũ Khanh	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
208	823282	11A13	Nguyễn Hiếu Anh Khoa	5	5	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	10
209	823288	11A13	Nguyễn Ngọc Hà Khôi	18	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
210	823289	11A13	Nguyễn Tuấn Khôi	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	10
211	823301	11A13	Trần Lê Thiên Kim	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
212	823324	11A13	Nguyễn Thùy Linh	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	12
213	823346	11A13	Võ Thị Trà Mi	18	6	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	12
214	823353	11A13	Nguyễn Anh Minh	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	13
215	823364	11A13	Nguyễn Khánh My	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
216	823410	11A13	Tô Thị Tuyết Ngọc	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	15
217	823470	11A13	Lê Nam Phong	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.4	Hổng	17
218	823482	11A13	Lê Hoàng Phúc	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	2.8	Hổng	17
219	823496	11A13	Nguyễn Thị Y Phụng	5	8	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	18
220	823508	11A13	Mai Thị Phương	27	7	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	18
221	823532	11A13	Phan Ngọc Thảo Quyên	24	6	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	19
222	823563	11A13	Nguyễn Minh Tấn	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
223	823566	11A13	Trần Phạm Minh Thái	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	20
224	823572	11A13	Lê Minh Thành	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
225	823582	11A13	Lê Thị Phương Thảo	10	11	2003	Phú Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	21
226	823586	11A13	Nguyễn Thắng	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	21
227	823608	11A13	Nguyễn Ngọc Thanh Thúy	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	22
228	823613	11A13	Hà Tri Thủy	17	1	2003	Đắk Lắk	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	22
229	823618	11A13	Lương Ngọc Anh Thư	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	22
230	823653	11A13	Nguyễn Đăng Thuý Trang	19	7	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	23
231	823660	11A13	Lương Ngọc Trâm	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
232	823708	11A13	Nguyễn Hoàng Tuấn	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
233	823716	11A13	Lê Vũ Ánh Tuyết	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	26
234	823718	11A13	Phan Ngọc Tuyết	20	5	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	26
235	823037	11A14	Nguyễn Cao Châu Anh	18	2	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
236	823089	11A14	Đặng Triệu Hoàng Châu	10	7	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	3
237	823108	11A14	Lê Anh Tuấn Dũng	16	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
238	823110	11A14	Nguyễn Minh Dũng	15	7	2003	Hưng Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
239	823129	11A14	Bùi Nguyễn Quốc Đạt	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
240	823174	11A14	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	6
241	823185	11A14	Lý Gia	Hân	15	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	7
242	823196	11A14	Trần Nhã	Hân	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
243	823213	11A14	Nguyễn Thanh	Hoài	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	8
244	823214	11A14	Cao Lê	Hoàng	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	8
245	823221	11A14	Trần Huy	Hoàng	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	8
246	823222	11A14	Vũ Văn	Hoàng	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	8
247	823230	11A14	La Gia	Huy	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	8
248	823243	11A14	Vũ Quang	Huy	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
249	823261	11A14	Lê Minh	Khang	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
250	823298	11A14	Nguyễn Tân	Kiệt	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	11
251	823316	11A14	Hoàng Trúc	Linh	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	11
252	823318	11A14	Lê Thùy	Linh	1	12	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
253	823351	11A14	Lê Phạm Hồng	Minh	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
254	823358	11A14	Trương Gia	Minh	11	1	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
255	823385	11A14	Phan Lê Thị Kiều	Nga	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	14
256	823406	11A14	Hoàng Kim Bảo	Ngọc	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	15
257	823424	11A14	Phạm Chí	Nhân	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
258	823432	11A14	Lê Huỳnh Yến	Nhi	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	15
259	823433	11A14	Lê Ngọc Lan	Nhi	23	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	16
260	823451	11A14	Nguyễn Quỳnh	Như	3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
261	823464	11A14	Trần Nguyên	Phát	9	11	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	17
262	823497	11A14	Phạm Bình	Phước	30	11	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	18
263	823511	11A14	Trần Kim	Phương	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	18
264	823518	11A14	Trịnh Xuân	Quang	16	7	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
265	823519	11A14	Đoàn Minh	Quân	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	19
266	823521	11A14	Nguyễn Xuân	Quân	17	11	2003	Hà Tĩnh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	19
267	823527	11A14	Nguyễn Lê Tấn	Quốc	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
268	823543	11A14	Trịnh Minh	Sang	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	19
269	823548	11A14	Hoàng Đình	Tài	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
270	823564	11A14	Mai Thành	Tây	11	2	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
271	823571	11A14	Hoàng Minh	Thành	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
272	823627	11A14	Trần Anh	Thư	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
273	823646	11A14	Nguyễn Trọng	Tín	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
274	823680	11A14	Nguyễn Quang	Triết	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hổng	24

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
275	823683	11A14	Nguyễn Ngọc Tú	Trình	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	24
276	823687	11A14	Vương Thuỷ Bảo	Trình	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	25
277	823688	11A14	Phạm Đan Anh	Trinity	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	25
278	823712	11A14	Nguyễn Bá	Tùng	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	25
279	823762	11A14	Trần Thảo	Vy	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	27
280	823022	11A15	Bùi Hồng	Anh	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	1
281	823031	11A15	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
282	823035	11A15	Lương Thị Phương	Anh	23	2	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	1
283	823055	11A15	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	2
284	823065	11A15	Trương Võ Kim	Anh	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	2
285	823094	11A15	Nguyễn Thanh Hoàn	Châu	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
286	823099	11A15	Lê Hoàng	Chương	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	4
287	823103	11A15	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	10	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	4
288	823147	11A15	Nguyễn Nhật	Đặng	28	3	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	5
289	823172	11A15	Mai Nguyễn Hồng	Hạnh	7	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	6
290	823186	11A15	Mã Hoàng Gia	Hân	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	7
291	823210	11A15	Mạc Thị Như	Hoa	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	8
292	823216	11A15	Lâm Nguyễn Huy	Hoàng	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	8
293	823217	11A15	Nguyễn Ánh Tuệ	Hoàng	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
294	823224	11A15	Vũ Minh	Hùng	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	8
295	823273	11A15	Hồ Nguyễn Kim	Khánh	2	9	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	10
296	823321	11A15	Nguyễn Dương Thùy	Linh	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	12
297	823341	11A15	Phạm Như	Mai	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
298	823348	11A15	Đinh Quang	Minh	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
299	823381	11A15	Nguyễn Văn	Nam	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	14
300	823413	11A15	Dư Phúc	Nguyên	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
301	823420	11A15	Đặng Phúc Thanh	Nhân	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	15
302	823421	11A15	Bùi Đức	Nhân	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
303	823430	11A15	Đinh Ngọc Yến	Nhi	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
304	823443	11A15	Trương Thị Yến	Nhi	16	9	2003	Tây Ninh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
305	823449	11A15	Huỳnh Thị Mỹ	Như	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	16
306	823455	11A15	Phạm Tâm	Như	19	9	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
307	823474	11A15	Phan Hoàng	Phú	7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	17
308	823483	11A15	Lê Hoàng Bảo	Phúc	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	17
309	823493	11A15	Trương Hồng	Phúc	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	18

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
310	823495	11A15	Nguyễn Thị Kim	Phụng	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
311	823501	11A15	Đào Thị Thu	Phương	13	4	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	18
312	823504	11A15	Huỳnh Trúc	Phương	20	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	18
313	823515	11A15	Nguyễn Hồ Đăng	Quang	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	18
314	823517	11A15	Trần Thiện	Quang	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	19
315	823530	11A15	Ngô Đại	Quý	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
316	823555	11A15	Trịnh Đức	Tài	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
317	823565	11A15	Nguyễn Xuân	Thái	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	20
318	823575	11A15	Nguyễn Quốc	Thành	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
319	823604	11A15	Nguyễn Minh	Thuận	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	22
320	823609	11A15	Dương Đỗ Phương	Thùy	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	22
321	823615	11A15	Vũ Thị Thanh	Thùy	2	1	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	22
322	823619	11A15	Lưu Nguyễn Anh	Thư	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	22
323	823634	11A15	Khâu Hoàng	Thương	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	23
324	823641	11A15	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	23
325	823645	11A15	Phạm Gia	Tiến	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
326	823647	11A15	Hô Fa	Tina	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	23
327	823656	11A15	Phạm Mai	Trang	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
328	823667	11A15	Lê Ngọc Bảo	Trân	21	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	24
329	823675	11A15	Trần Anh	Trí	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
330	823717	11A15	Nguyễn Minh	Tuyết	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
331	823724	11A15	Nguyễn Phương	Uyên	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	26
332	823730	11A15	Hồ Đức Thảo	Vân	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
333	823748	11A15	Dương Ngọc Bảo	Vy	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
334	823752	11A15	Lê Hoàng Tường	Vy	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	27
335	823768	11A15	Trần Thị Kim	Yến	12	5	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	27
336	823018	11A16	Ngô Hoàng	An	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	1
337	823026	11A16	Đỗ Minh	Anh	16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	1
338	823028	11A16	Hoàng Minh	Anh	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
339	823029	11A16	Huỳnh Lê Trúc	Anh	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	1
340	823033	11A16	Lê Trúc	Anh	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	1
341	823049	11A16	Nguyễn Tâm	Anh	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
342	823068	11A16	Tô Đình Thiên	Ân	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
343	823087	11A16	Phạm Vũ Đức	Bình	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	3
344	823119	11A16	Đặng Thị Phước	Duyên	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
345	823121	11A16	Trần Bá Hà Duyên	24	1	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	4
346	823128	11A16	Nguyễn Thị Phương Đào	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	5
347	823153	11A16	Quang Nguyễn Minh Đức	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.6	Giỏi	6
348	823173	11A16	Nguyễn Hồ Hồng Hạnh	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	6
349	823182	11A16	Võ Thị Thúy Hằng	6	12	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	7
350	823223	11A16	Tất Phi Hùng	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	8
351	823237	11A16	Phạm Quang Huy	28	12	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	9
352	823263	11A16	Phạm Đăng Khang	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
353	823268	11A16	Trần Minh Khanh	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
354	823272	11A16	Hồ Minh Khánh	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	10
355	823293	11A16	Nguyễn Thy Khuê	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	11
356	823299	11A16	Thái Anh Kiệt	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	11
357	823300	11A16	Trần Hoàng Thiên Kim	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
358	823313	11A16	Dương Đào Ngọc Linh	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	11
359	823323	11A16	Nguyễn Khánh Linh	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
360	823338	11A16	Ngô Tấn Lợi	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	12
361	823356	11A16	Trần Lê Hoàng Minh	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
362	823393	11A16	Lê Thanh Ngân	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
363	823450	11A16	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	2	11	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
364	823461	11A16	Cao Thành Phát	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	17
365	823476	11A16	Bùi Thị Hồng Phúc	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
366	823502	11A16	Đặng Trần Nguyên Phương	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	18
367	823509	11A16	Nguyễn Thị Mỹ Phương	13	10	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	18
368	823510	11A16	Quách Minh Phương	10	12	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	18
369	823529	11A16	Nguyễn Ngọc Minh Quy	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
370	823540	11A16	Tôn Quốc Ngân Quỳnh	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
371	823542	11A16	Nguyễn Lê Ngọc Sang	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	19
372	823558	11A16	Nguyễn Phạm Mỹ Tâm	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	20
373	823569	11A16	Phan Nguyễn Phương Thanh	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
374	823584	11A16	Phan Lê Phương Thảo	4	11	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
375	823601	11A16	Nguyễn Văn Thơ	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
376	823607	11A16	Trương Đình Thuật	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
377	823672	11A16	Trần Phương Trân	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	24
378	823684	11A16	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	13	10	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	24
379	823689	11A16	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	25

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
380	823690	11A16	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	25
381	823699	11A16	Hoàng Hữu	Tú	9	10	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
382	823719	11A16	Đinh Nguyễn Cát	Tường	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
383	823736	11A16	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	26
384	823755	11A16	Nguyễn Đoàn Nhật	Vy	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	27
385	823014	11A2	Đặng Nguyễn Thu	An	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	1
386	823057	11A2	Nguyễn Võ Quỳnh	Anh	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	2
387	823058	11A2	Phạm Hiền Xuân	Anh	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
388	823061	11A2	Trần Ngọc Phương	Anh	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	2
389	823070	11A2	Nguyễn Hải	Âu	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	3
390	823075	11A2	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	3
391	823096	11A2	Trần Thị Kim	Chi	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
392	823098	11A2	Hoàng Anh	Chín	8	2	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	4
393	823118	11A2	Phạm Lê Minh	Duy	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
394	823140	11A2	Nguyễn Thành	Đạt	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	5
395	823157	11A2	Lê Thanh	Giang	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	6
396	823189	11A2	Nguyễn Hà Bảo	Hân	6	2	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	7
397	823211	11A2	Nguyễn Văn	Hòa	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	8
398	823215	11A2	Đoàn Huy	Hoàng	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	8
399	823242	11A2	Trương Vũ Quang	Huy	27	11	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	9
400	823262	11A2	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
401	823287	11A2	Nguyễn Hoàng	Khôi	4	5	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
402	823295	11A2	Đào Anh	Kiệt	29	5	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
403	823305	11A2	Võ Nguyễn Mai	Lam	7	6	2003	Long An	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	11
404	823317	11A2	Lại Ngọc Thùy	Linh	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
405	823336	11A2	Trần Hoàng	Lộc	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
406	823345	11A2	Đoàn Gia	Mẫn	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
407	823350	11A2	Lê Hồng	Minh	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
408	823357	11A2	Trương Gia	Minh	4	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
409	823370	11A2	Võ Thanh Trà	My	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
410	823386	11A2	Đoàn Trần Hiếu	Ngân	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	14
411	823404	11A2	Nguyễn Khắc	Nghị	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	14
412	823425	11A2	Phạm Trọng	Nhân	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
413	823438	11A2	Nguyễn Thảo	Nhi	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
414	823465	11A2	Vương Thịnh	Phát	25	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
415	823533	11A2	Trần Mạnh Quyền	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	19
416	823573	11A2	Nguyễn Đức Thành	12	7	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
417	823579	11A2	Trịnh Nguyễn Việt Thành	3	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	21
418	823588	11A2	Thân Toàn Thắng	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
419	823599	11A2	Tổng Lại Minh Thoa	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
420	823626	11A2	Nguyễn Phan Anh Thư	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	22
421	823664	11A2	Trần Thị Ngọc Trâm	30	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	24
422	823670	11A2	Phạm Nguyễn Bảo Trân	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	24
423	823674	11A2	Lê Hữu Trí	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
424	823692	11A2	Trần Phan Thanh Trúc	25	10	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	25
425	823693	11A2	Dương Quốc Trung	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
426	823696	11A2	Đỗ Xuân Trường	29	9	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
427	823700	11A2	Lê Châu Thanh Tú	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
428	823702	11A2	Lương Minh Tú	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	25
429	823706	11A2	Lê Quang Tuấn	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
430	823714	11A2	Trần Trương Thanh Tùng	11	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	26
431	823019	11A3	Nguyễn Đình Thuận An	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	1
432	823023	11A3	Cao Lâm Tuấn Anh	18	1	2003	Gia Lai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
433	823041	11A3	Nguyễn Hùng Anh	25	9	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
434	823044	11A3	Nguyễn Ngọc Vân Anh	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	2
435	823048	11A3	Nguyễn Quỳnh Anh	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
436	823052	11A3	Nguyễn Thị Lan Anh	6	3	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	2
437	823053	11A3	Nguyễn Thúy Anh	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
438	823079	11A3	Nguyễn Trường Quốc Bảo	4	2	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
439	823090	11A3	Lê Bảo Châu	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
440	823091	11A3	Lê Hồng Châu	13	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
441	823102	11A3	Đào Đông Diễm	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	4
442	823112	11A3	Huỳnh Anh Duy	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
443	823115	11A3	Nguyễn Hoàng Duy	18	12	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4
444	823117	11A3	Nguyễn Khôi Duy	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	4
445	823124	11A3	Phan Đặng Quốc Dương	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
446	823136	11A3	Lê Ngọc Thành Đạt	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	5
447	823151	11A3	Cao Việt Đức	16	5	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
448	823180	11A3	Phan Thị Hằng	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	6
449	823198	11A3	Huỳnh Thanh Hậu	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
450	823200	11A3	Đặng Thị Thúy	Hiền	2	8	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	7
451	823205	11A3	Hồ Trung	Hiếu	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7
452	823212	11A3	Phúc Nguyễn Đức	Hòa	23	2	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
453	823244	11A3	Huỳnh Thị Kim	Huyền	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
454	823245	11A3	Đinh Văn	Hung	12	12	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
455	823247	11A3	Nguyễn Quốc	Hung	8	3	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	9
456	823280	11A3	Mai Hoàng Đăng	Khoa	10	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	10
457	823297	11A3	Huỳnh Tuấn	Kiệt	10	3	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	11
458	823310	11A3	Vũ	Lâm	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
459	823331	11A3	Lê Phi	Long	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
460	823368	11A3	Phạm Thị Trà	My	31	7	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
461	823374	11A3	Phạm Minh	Mỹ	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
462	823402	11A3	Nguyễn Thụy Phương	Nghi	20	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
463	823411	11A3	Trịnh Bảo	Ngọc	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
464	823428	11A3	Dương Ngọc Ánh	Nhi	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	15
465	823444	11A3	Trương Yên	Nhi	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
466	823551	11A3	Nguyễn Đình	Tài	21	7	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	20
467	823578	11A3	Trần Quốc Minh	Thành	18	2	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	21
468	823593	11A3	Trần Minh	Thiên	1	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	21
469	823617	11A3	Lê Anh	Thư	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	22
470	823620	11A3	Ngô Hồ Minh	Thư	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	22
471	823637	11A3	Nguyễn Hoàng Anh	Thy	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	23
472	823644	11A3	Nguyễn Nhật	Tiến	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	23
473	823691	11A3	Nguyễn Thanh	Trúc	4	1	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	25
474	823703	11A3	Tiết Minh	Tú	21	6	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	25
475	823726	11A3	Nguyễn Út Phương	Uyên	31	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	26
476	823732	11A3	Trần Tú	Vân	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
477	823738	11A3	Đinh Ngọc Thành	Vinh	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
478	823024	11A4	Đặng Lê Trâm	Anh	23	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
479	823042	11A4	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	2
480	823046	11A4	Nguyễn Nhật	Anh	6	4	2003	Kiên Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
481	823056	11A4	Nguyễn Trung Mai	Anh	16	9	2003	Vĩnh Phúc	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	2
482	823067	11A4	Kim Hoàng	Ân	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	2
483	823095	11A4	Lê Nguyễn Kim	Chi	26	6	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
484	823104	11A4	Mai Thị	Diệu	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	4

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
485	823137	11A4	Lê Tuấn	Đạt	27	1	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
486	823152	11A4	Lê	Đức	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	5
487	823158	11A4	Nguyễn Thị Trường	Giang	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	3.0	Hồng	6
488	823187	11A4	Mai Ngọc	Hân	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	7
489	823190	11A4	Nguyễn Lê Bảo	Hân	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	7
490	823206	11A4	Nguyễn Đăng Gia	Hiếu	30	6	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	7
491	823228	11A4	Huỳnh Nhật	Huy	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	8
492	823251	11A4	Đinh Thị	Hương	7	11	2002	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
493	823267	11A4	Nguyễn Vũ Mai	Khanh	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	10
494	823270	11A4	Trương Công	Khanh	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	10
495	823285	11A4	Văn Đức	Khoa	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
496	823334	11A4	Nguyễn Tấn	Long	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
497	823343	11A4	Nguyễn Đỗ Quốc	Mạnh	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
498	823377	11A4	Đỗ Hoài	Nam	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	14
499	823394	11A4	Nguyễn Huỳnh Thảo	Ngân	25	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
500	823407	11A4	Lâm Bảo	Ngọc	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	15
501	823412	11A4	Trương Mẫn	Ngọc	11	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	15
502	823415	11A4	Huỳnh Thanh	Nguyên	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	15
503	823417	11A4	Nguyễn Phương Thảo	Nguyên	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
504	823418	11A4	Phan Nguyễn Quang	Nguyên	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	15
505	823427	11A4	Nguyễn Minh	Nhật	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	15
506	823445	11A4	Vũ Hồng Yến	Nhi	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	16
507	823453	11A4	Nguyễn Thị Mộng	Như	15	10	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	16
508	823463	11A4	Nguyễn Vũ Thịnh	Phát	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	17
509	823479	11A4	Đỗ Bạch Vĩnh	Phúc	12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
510	823485	11A4	Lê Trần Nguyên Vũ	Phúc	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
511	823492	11A4	Trương Hoàng	Phúc	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	18
512	823503	11A4	Huỳnh Tấn	Phương	24	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
513	823528	11A4	Văn Võ Chấn	Quốc	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	19
514	823560	11A4	Nguyễn Thị	Tâm	24	8	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	20
515	823562	11A4	Nguyễn Duy	Tân	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	20
516	823581	11A4	Lê Thanh	Thảo	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	21
517	823610	11A4	Nguyễn Thị Trúc	Thùy	19	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	22
518	823616	11A4	Dương Minh	Thư	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	22
519	823633	11A4	Vương Thị Anh	Thư	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	23

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
520	823635	11A4	Phan Nguyễn Hoài	Thương	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	23
521	823681	11A4	Phan Nguyên Minh	Triết	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	24
522	823682	11A4	Lê Nguyễn Việt	Trinh	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
523	823770	11A4	Vũ Ngọc	Yến	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	28
524	823036	11A5	Ngô Tuấn	Anh	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
525	823051	11A5	Nguyễn Thế	Anh	23	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	2
526	823064	11A5	Trần Thùy	Anh	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	2
527	823086	11A5	Nông Thị Cẩm	Bình	10	7	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	3
528	823100	11A5	Trần Thị Thu	Cúc	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	4
529	823109	11A5	Lê Minh	Dũng	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	4
530	823154	11A5	Trần Võ Tấn	Đức	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hóng	6
531	823155	11A5	Đặng Nguyễn Hương	Giang	17	2	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	6
532	823165	11A5	Nguyễn Văn	Hà	3	3	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
533	823177	11A5	Lê Trọng	Hào	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	6
534	823181	11A5	Trương Thuý	Hằng	23	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
535	823193	11A5	Phạm Nguyễn Gia	Hân	5	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	7
536	823194	11A5	Tăng Ngọc Bảo	Hân	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	7
537	823199	11A5	Lê Thanh	Hậu	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	7
538	823218	11A5	Nguyễn Huy	Hoàng	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
539	823233	11A5	Mai Đức	Huy	31	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
540	823315	11A5	Hoàng Kim Yến	Linh	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	11
541	823335	11A5	Nguyễn Thắng	Lộc	7	1	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
542	823347	11A5	Dương Đức	Minh	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
543	823375	11A5	Phạm Nguyễn Ngọc	Mỹ	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	13
544	823392	11A5	Lê Hoàng Thanh	Ngân	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	14
545	823400	11A5	Huỳnh Thoại	Nghi	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
546	823401	11A5	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
547	823403	11A5	Nguyễn Trần Hồng	Nghi	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
548	823405	11A5	Nguyễn Minh	Nghĩa	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.4	Hóng	15
549	823414	11A5	Hoàng Đình	Nguyên	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
550	823429	11A5	Đàm Quỳnh	Nhi	29	11	2003	Gia Lai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	15
551	823457	11A5	Trần Thị Tuyết	Như	9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
552	823477	11A5	Đặng Đỗ Minh	Phúc	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
553	823498	11A5	Phạm Quang	Phước	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
554	823513	11A5	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
555	823526	11A5	Lê Minh	Quốc	24	4	2003	Quy Nhơn	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	19
556	823534	11A5	Bảo Phước Trúc	Quỳnh	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
557	823537	11A5	Nguyễn Trần Văn	Quỳnh	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	19
558	823546	11A5	Nguyễn Khắc	Sơn	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	20
559	823547	11A5	Uông Ngọc	Sơn	25	3	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	20
560	823598	11A5	Nguyễn Chí	Thịnh	16	3	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	21
561	823603	11A5	Lê Ngọc	Thuận	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	22
562	823625	11A5	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
563	823636	11A5	Tạ Nguyễn Ngọc	Thương	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	23
564	823639	11A5	Trần Minh	Thy	16	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
565	823663	11A5	Nguyễn Thị Loan	Trâm	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	24
566	823679	11A5	Trần Minh	Trí	23	6	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
567	823713	11A5	Phạm Nguyễn Bách	Tùng	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	26
568	823723	11A5	Nguyễn Lê Gia	Uyên	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
569	823734	11A5	Hoàng Quốc	Việt	29	1	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	26
570	823744	11A5	Nguyễn Hoàng	Vũ	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
571	823020	11A6	Phạm Ngọc Phương	An	19	9	2002	Quảng Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	1
572	823038	11A6	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Anh	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	1
573	823060	11A6	Trần Lê Mỹ	Anh	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
574	823066	11A6	Hoàng Nguyễn Minh	Ánh	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	2
575	823069	11A6	Võ Phương Hồng	Ân	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
576	823078	11A6	Nguyễn Quốc	Bảo	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	3
577	823106	11A6	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	4
578	823111	11A6	Trần Đình	Dũng	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
579	823134	11A6	Huỳnh Tô Vĩnh	Đạt	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	5
580	823141	11A6	Nguyễn Trần Hoàng	Đạt	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
581	823160	11A6	Trần An	Giang	2	11	2003	Bắc Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	6
582	823171	11A6	Lê Hoàng Ngân	Hạnh	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	6
583	823179	11A6	Nguyễn Thanh	Hảo	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	6
584	823229	11A6	Huỳnh Trung	Huy	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	8
585	823256	11A6	Lữ Đình	Khải	25	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
586	823264	11A6	Phan Nhật Duy	Khang	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
587	823265	11A6	Trần Đức	Khang	12	10	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	10
588	823274	11A6	Lê Ngọc Bảo	Khánh	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	10
589	823275	11A6	Trần Hương	Khánh	2	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
590	823284	11A6	Nguyễn Kiêm	Khoa	20	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
591	823303	11A6	Hồ Thiên Trúc	Lam	27	9	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	11
592	823309	11A6	Nguyễn Phương	Lâm	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	11
593	823322	11A6	Nguyễn Đức Ngọc	Linh	16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
594	823327	11A6	Trần Nguyễn Ái	Linh	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	12
595	823371	11A6	Võ Thị Hồng	My	1	3	2003	Bạc Liêu	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
596	823373	11A6	Nguyễn Thành	Mỹ	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
597	823383	11A6	Trần Hoàng	Nam	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	14
598	823389	11A6	Huỳnh Thị Kim	Ngân	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	14
599	823408	11A6	Lưu Ánh	Ngọc	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	15
600	823439	11A6	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hồng	16
601	823471	11A6	Đinh Công	Phú	8	10	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
602	823491	11A6	Trần Trọng	Phúc	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18
603	823505	11A6	Lai Ngọc Yến	Phương	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	18
604	823524	11A6	Võ Minh	Quân	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
605	823554	11A6	Trần Võ Tấn	Tài	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	20
606	823559	11A6	Nguyễn Thành	Tâm	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
607	823570	11A6	Đặng Xuân	Thành	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	20
608	823580	11A6	Vũ Nhật	Thành	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
609	823597	11A6	Huỳnh Tấn	Thịnh	21	2	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	21
610	823630	11A6	Trần Thị Minh	Thư	3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	23
611	823631	11A6	Từ Thị Anh	Thư	24	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	23
612	823640	11A6	Nguyễn Bích	Tiên	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	23
613	823643	11A6	Đặng Phi	Tiến	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	23
614	823650	11A6	Đỗ Vi Vinh	Trà	14	7	2003	Trà Vinh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	23
615	823655	11A6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	23
616	823728	11A6	Đặng Hiếu	Văn	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
617	823757	11A6	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	27
618	823013	11A7	Nguyễn Văn	Ái	14	3	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
619	823083	11A7	Trần Minh	Bảo	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
620	823084	11A7	Vương Quốc	Bảo	25	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
621	823116	11A7	Nguyễn Hữu	Duy	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	4
622	823125	11A7	Phan Xuân Lạc	Dương	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	5
623	823130	11A7	Đinh Tiến	Đạt	5	10	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
624	823156	11A7	Huỳnh Lê Hương	Giang	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học			6

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
625	823166	11A7	Võ Nguyễn Ngọc Hà		28	10	2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
626	823175	11A7	Phạm Văn Hạnh		5	6	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hồng	6
627	823197	11A7	Huỳnh Ngọc Thanh Hậu		6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	7
628	823208	11A7	Trần Mai Đại Minh Hiếu		15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	7
629	823220	11A7	Trần Dương Minh Hoàng		12	5	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
630	823236	11A7	Nguyễn Quốc Huy		22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
631	823254	11A7	Đào Tuấn Kha		22	8	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
632	823260	11A7	Huỳnh Bảo Khang		15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
633	823266	11A7	Đào Thy Khanh		25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
634	823269	11A7	Trần Ngọc Bảo Khanh		15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
635	823294	11A7	Lâm Trung Kiên		25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	11
636	823302	11A7	Nguyễn Đỗ Cao Kỳ		26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	11
637	823325	11A7	Phạm Quỳnh Trúc Linh		23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	12
638	823339	11A7	Hồng Hoàng Luật		20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
639	823366	11A7	Nguyễn Ngọc Trà My		8	12	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	13
640	823388	11A7	Huỳnh Kim Ngân		17	2	2033	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	14
641	823390	11A7	Huỳnh Thị Thảo Ngân		30	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	14
642	823409	11A7	Phạm Lê Bảo Ngọc		18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	15
643	823419	11A7	Trần Huỳnh Thu Nguyệt		22	6	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	15
644	823437	11A7	Nguyễn Phước Yên Nhi		18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
645	823441	11A7	Trần Thảo Nhi		21	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	16
646	823442	11A7	Trịnh Hoàng Yên Nhi		4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
647	823446	11A7	Wòong Lê Tuyết Nhi		4	4	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	16
648	823481	11A7	Lâm Thiên Phúc		28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
649	823490	11A7	Trần Thanh Phúc		28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
650	823514	11A7	Dương Thanh Quang		5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18
651	823525	11A7	Võ Trần Minh Quân		25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	19
652	823585	11A7	Lê Nguyễn Toàn Thắng		7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	21
653	823591	11A7	Đặng Trí Đức Thiên		4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	21
654	823612	11A7	Vương Nguyễn Minh Thùy		12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	22
655	823621	11A7	Ngô Ngọc Anh Thư		25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
656	823624	11A7	Nguyễn Minh Thư		12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	22
657	823642	11A7	Trần Đình Thảo Tiên		23	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
658	823648	11A7	Huỳnh Đông Tính		20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	23
659	823665	11A7	Dương Bảo Trân		25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	24

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
660	823686	11A7	Trần Nguyễn Trúc Trinh	18	8	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	25
661	823725	11A7	Nguyễn Thị Uyên	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	26
662	823727	11A7	Võ Trần Phương Uyên	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
663	823740	11A7	Mai Thành Vinh	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	26
664	823743	11A7	Huỳnh Phùng Thanh Vũ	28	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
665	823766	11A7	Phạm Hoàng Yên	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	27
666	823114	11A8	Lương Hoàng Anh Duy	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
667	823135	11A8	Lê Minh Đạt	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
668	823139	11A8	Nguyễn Quốc Đạt	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
669	823148	11A8	Văn Cấp Đăng	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
670	823159	11A8	Nguyễn Văn Giang	4	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	6
671	823195	11A8	Trần Ngọc Hân	18	11	2003	Hàn Quốc	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
672	823203	11A8	Trịnh Thu Hiền	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	7
673	823204	11A8	Dương Văn Hiếu	3	4	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	7
674	823207	11A8	Nguyễn Trung Hiếu	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7
675	823240	11A8	Thái Quang Huy	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	9
676	823248	11A8	Phan Gia Hưng	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	9
677	823253	11A8	Nguyễn Gia Hy	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	9
678	823259	11A8	Hoàng Nguyễn Minh Khang	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
679	823286	11A8	Vũ Huỳnh Đăng Khoa	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	10
680	823292	11A8	Dương Thiên Khởi	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
681	823311	11A8	Bùi Thị Kim Liên	12	2	2002	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	11
682	823319	11A8	Nghiêm Khánh Linh	4	12	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	11
683	823352	11A8	Lương Ngọc Minh	11	7	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	13
684	823363	11A8	Đặng Nguyễn Yên My	15	9	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	13
685	823367	11A8	Nguyễn Thị Trà My	8	6	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
686	823369	11A8	Trương Hải My	21	6	2002	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	3.0	Hổng	13
687	823434	11A8	Ngô Nguyễn Quỳnh Nhi	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	16
688	823440	11A8	Nguyễn Trương Yên Nhi	27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	16
689	823459	11A8	Nguyễn Hoàng Yên Ni	16	12	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	16
690	823466	11A8	Nguyễn Đặng Anh Phi	10	6	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	17
691	823494	11A8	Vũ Hoàng Phúc	21	3	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	18
692	823531	11A8	Lê Phạm Huỳnh Quyên	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	19
693	823561	11A8	Vũ Thị Thanh Tâm	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	20
694	823576	11A8	Nguyễn Tấn Thành	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	21

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
695	823587	11A8	Nguyễn Nhựt	Thắng	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	21
696	823596	11A8	Huỳnh Tấn	Thiện	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	21
697	823606	11A8	Thái Duy	Thuận	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	22
698	823628	11A8	Trần Anh	Thư	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	22
699	823651	11A8	Dương Vũ Đoan	Trang	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
700	823673	11A8	Vương Bảo	Trân	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
701	823678	11A8	Trần Minh	Trí	16	10	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
702	823705	11A8	Hoàng Lê Minh	Tuấn	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	25
703	823715	11A8	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
704	823720	11A8	Lê Vũ Các	Tường	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
705	823729	11A8	Nguyễn Quốc	Văn	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
706	823733	11A8	Phan Trung	Vĩ	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	26
707	823741	11A8	Nguyễn Trọng	Vọng	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	27
708	823745	11A8	Nguyễn Hoàng Long	Vũ	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	27
709	823747	11A8	Bàng Thụy Thúy	Vy	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	27
710	823750	11A8	Huỳnh Lê Uyên	Vy	6	7	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
711	823759	11A8	Phan Phạm Phương	Vy	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	27
712	823760	11A8	Phan Thị Yến	Vy	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
713	823021	11A9	Vũ Thị Thúy	An	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	1
714	823074	11A9	Ngô Quốc	Bảo	13	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	3
715	823088	11A9	Tô Thị Thanh	Bình	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
716	823101	11A9	Đặng Hải	Cường	19	2	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4
717	823123	11A9	Lê Nguyễn Thùy	Dương	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	4
718	823133	11A9	Hồ Thành	Đạt	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
719	823176	11A9	Lê Nhật	Hào	30	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	6
720	823192	11A9	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	7
721	823209	11A9	Vũ Khắc Minh	Hiếu	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
722	823239	11A9	Phạm Quốc	Huy	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	9
723	823249	11A9	Thái Thành	Hưng	30	6	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	9
724	823250	11A9	Dương Thị Quỳnh	Hương	16	9	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	9
725	823252	11A9	Lê Thị Thanh	Hương	8	4	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	9
726	823276	11A9	Trần Nguyễn Kim	Khánh	7	5	2002	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	10
727	823283	11A9	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	10
728	823306	11A9	Cao Thụy Ngọc	Lan	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
729	823307	11A9	Huỳnh Bảo	Lâm	18	9	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	11

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
730	823329	11A9	Trần Thị Mỹ Linh	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	12
731	823359	11A9	Trương Thế Minh Minh	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
732	823448	11A9	Đặng Quỳnh Như	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	16
733	823460	11A9	Bùi Tấn Phát	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	16
734	823478	11A9	Đặng Ngọc Phúc	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	17
735	823499	11A9	Trần Thiên Phước	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	18
736	823507	11A9	Lưu Thanh Phương	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	18
737	823512	11A9	Lê Nguyễn Tuyết Phượng	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	18
738	823523	11A9	Trần Ngô Thiệu Quân	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	19
739	823538	11A9	Phạm Lê Như Quỳnh	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
740	823545	11A9	Nguyễn Chí Trung Sơn	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
741	823549	11A9	Hồ Trọng Tài	6	2	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
742	823589	11A9	Trần Nguyễn Ngọc Thắng	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	21
743	823590	11A9	Hồ Thị Trúc Thi	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
744	823600	11A9	Đoàn Đức Thông	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
745	823602	11A9	Trần Nguyễn Thơ Thơ	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	22
746	823622	11A9	Nguyễn Ánh Thư	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
747	823659	11A9	Đinh Ngọc Quỳnh Trâm	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
748	823668	11A9	Lý Bội Trân	30	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	24
749	823669	11A9	Nguyễn Thị Huyền Trân	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	24
750	823671	11A9	Trần Ngọc Bảo Trân	4	11	2003	Trà Vinh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	24
751	823677	11A9	Trần Đức Trí	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	24
752	823704	11A9	Trịnh Trần Anh Tú	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
753	823709	11A9	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
754	823722	11A9	Lê Quỳnh Phương Uyên	30	9	2003	Nghệ An	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
755	823735	11A9	Lê Đình Quốc Việt	19	5	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	26

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
756	823751	11A9	Huỳnh Thúy Vy	1	6	2003	Long An	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	27
757	823756	11A9	Nguyễn Lê Hà Vy	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	27
758	823764	11A9	Nguyễn Chan Như Ý	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	27

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Tổng số thí sinh trong danh sách:	758
- Số thí sinh dự thi:	757
- Số thí sinh vắng:	1
- Số thí sinh hỏng:	18
- Số thí sinh đạt:	739
+ Xếp loại Giỏi:	15
+ Xếp loại Khá:	448
+ Xếp loại Tbình:	276

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Cao Minh Quý